

(459)

Số: 98 /BC-KHCN

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO

Tổng kết thập niên chất lượng lần thứ hai (2006-2015) và Tổng kết giai đoạn I (2010-2015) Chương trình quốc gia năng suất chất lượng.

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
VĂN BẢN ĐẾN	
Số đến:
Ngày: 3.1.7.2015
Chuyển: TĐC

Thực hiện công văn số 1253/BKHCN-TĐC ngày 23/4/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ninh tại văn bản số 2689/UBND-NLN1 ngày 18/05/2015 về việc Tổng kết thập niên chất lượng lần thứ hai (2006-2015) và Tổng kết giai đoạn I (2010-2015) Chương trình quốc gia năng suất chất lượng. Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện như sau:

I. TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ THẬP NIÊN CHẤT LƯỢNG LẦN THỨ HAI 2006-2015).

1. Những thành tựu đạt được

Ngày 15/12/2010, UBND tỉnh ban hành quyết định số 3799/QĐ-UBND về việc Quy định một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động Khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 về Đề án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.

Đào tạo nghiệp vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008, xây dựng, áp dụng và công bố Tiêu chuẩn; công bố Quy chuẩn kỹ thuật, tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia cho hơn 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Hỗ trợ các Doanh nghiệp, tổ chức xây dựng và áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO 9001:2008, ISO 22000, HACCP...) cho 19 doanh nghiệp, kinh phí 610 triệu đồng.

Hỗ trợ các Doanh nghiệp tham dự giải thưởng Chất lượng Quốc gia cho 07 doanh nghiệp, kinh phí 124 triệu đồng.

Số lượng các doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia và quy chuẩn Quốc gia 15 doanh nghiệp.

Hỗ trợ các doanh nghiệp đang ký bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ cho 112 văn bằng và hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho 21 sản phẩm nông nghiệp của tỉnh với tổng kinh phí 51.459 triệu đồng.

Dự án Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ninh với tổng kinh phí 3.721,940 triệu đồng.

Hỗ trợ hoạt động tham dự Chợ Công nghệ và Thiết bị, Hội chợ Thương hiệu 17 Doanh nghiệp, kinh phí 425 triệu đồng.

Hỗ trợ doanh nghiệp từ nguồn vốn phát triển khoa học và công nghệ với số tiền 24.627 triệu đồng vốn đối ứng của doanh nghiệp 209,604 triệu đồng.

Triển khai thực hiện Đề án thành lập, phát triển doanh nghiệp KH&CN tỉnh Quảng Ninh Đào tạo, bồi dưỡng thành lập, quản lý, điều hành hoạt động KH&CN; Hỗ trợ các Tổ chức KH&CN công lập chuyển đổi thành DN KH&CN; Hỗ trợ phát triển Tổ chức, DN ngoài công lập phát triển thành DN KH&CN với số tiền 5.500 triệu đồng.

* Kết quả thực hiện Đề án NSCL đến năm 2015.

Ngày 21/03/2014, Sở Khoa học và Công nghệ đã trình UBND tỉnh tại số 17/TTr-KHCN về việc Đề nghị phê duyệt Đề án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”.

Ngày 11/7/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1480/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020”; Quyết định số 3218/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2015 là; 3.800 triệu đồng;

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2020” theo Quyết định số 1480/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh được UBND tỉnh Quyết định số 1779/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Dự án "Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng năng suất chất lượng của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020".

2. Đánh giá kết quả, hiệu quả đạt được.

Như vậy mặc dù Đề án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020” mới được phê duyệt tháng 7/2014. Song các nội dung, nhiệm vụ của Đề án đã được Tỉnh triển khai thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các Doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Bước đầu đã chuyển biến rõ rệt về nhận thức, tầm quan trọng của việc

nâng cao năng suất chất lượng trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

3. Những mặt hạn chế, nguyên nhân và kiến nghị.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh, trên 80% các doanh nghiệp sản xuất đã thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng cho các sản phẩm, hàng hoá theo Tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở. Trong đó các sản phẩm hàng hoá được đánh giá chứng nhận và công bố hợp chuẩn còn rất hạn chế.

Mặc dù UBND tỉnh đã có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và phí tham dự các giải thưởng về khoa học và công nghệ tại Quyết định số 3799/2010/QĐ-UBND nhưng số lượng doanh nghiệp, tổ chức áp dụng và được cấp chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến, áp dụng các công cụ cải tiến năng suất chất lượng mới chỉ gần 100 doanh nghiệp.

Hầu hết các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh chủ yếu áp dụng phương thức kiểm soát chất lượng thông qua nội bộ hoặc phòng thử nghiệm trước khi lưu thông trên thị trường.

Các doanh nghiệp chủ yếu xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Chưa có quy chuẩn kỹ thuật địa phương nào được xây dựng và ban hành áp dụng trên địa bàn Tỉnh.

Tuy vậy, do lợi thế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên nên các sản phẩm hàng hóa như than, gạch ngói, nước khoáng và các sản phẩm nông lâm thủy sản có uy tín về chất lượng, được thừa nhận về chất lượng trên thị trường trong nước và Quốc tế, đạt các giải thưởng chất lượng quốc gia, tại các hội chợ, triển lãm, qua lựa chọn của người tiêu dùng, vv...;

Để đánh giá chính xác hiện trạng năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, ngành và địa phương (vốn đầu tư, chi phí; trình độ công nghệ; trình độ quản lý; kỹ năng lao động ...) cần phải tổ chức khảo sát thực tế tại các ngành, địa phương và các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh để định hướng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ của năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn Tỉnh.

II. TỔNG KẾT, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN I (2010-2015) DỰ ÁN NSCL TỈNH QUẢNG NINH THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG.

1. Tình hình xây dựng và phê duyệt dự án NSCL.

+ **Tên Đề án:** “*Đề án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020*”

+ Ngày 11/7/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1480/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất chất

lượng sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020

+ **Cơ quan chủ trì Đề án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

+ **Cơ quan quản lý Đề án:** Sở Khoa học và Công nghệ

+ **Mục tiêu cụ thể của dự án giai đoạn đến năm 2015:**

- 30% số lượng doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của tỉnh xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao năng suất và chất lượng;

- Xây dựng thành công 15 mô hình doanh nghiệp và dịch vụ điển, ứng dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, tạo bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng và trình độ quản lý, trở thành những mô hình sản xuất kinh doanh hoàn hảo, là mô hình điểm để các doanh nghiệp khác trong địa bàn tỉnh đến học hỏi;

- 20% doanh nghiệp của tỉnh được phổ biến và tuyên truyền các kiến thức về hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng sản phẩm;

- 300 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của tỉnh được hỗ trợ về kinh phí và tư vấn áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và trình độ quản lý;

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu cho cho 250 - 300 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó tối thiểu có 15-20 sáng chế; hỗ trợ và làm thủ tục đăng ký thương hiệu cho 30 sản phẩm mang thương hiệu địa phương.

- Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được công bố và chứng nhận hợp quy theo quy chuẩn tương ứng; 40% sản phẩm, hàng hoá chủ lực được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN);

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho 20 doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Mỗi năm có 05 doanh nghiệp được trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình;

- 30% doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện kiểm toán năng lượng và áp dụng hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng theo Tiêu chuẩn ISO 50001:2011;

- Xây dựng và hình thành 01 Tổ chức chứng nhận sự phù hợp hệ thống được công nhận trên 01 lĩnh vực đánh giá: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 và 01 Tổ chức đánh giá chứng nhận phù hợp Tiêu chuẩn, quy chuẩn cho các sản phẩm trên địa bàn tỉnh;

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của tỉnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ tăng lên 10% mỗi năm;

- Mức độ đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP – Total factor productivity) trong tốc độ tăng trưởng của địa phương: góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của tỉnh lên 30%.

2. Kết quả triển khai thực hiện đề án NSCL.

a. Kết quả đạt được:

- Sở Khoa học và Công nghệ thành lập tổ công tác thực hiện hiện đề án tại Quyết định số 10/QĐ-KHCN ngày 14/01/2015.

- Ngày 24/6/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 1779/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Dự án "Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng năng suất chất lượng của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh đến năm 2020".

- Ngày 25/6/2015 Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản số 543/SKHCN-TĐC gửi Sở Tài chính về việc thẩm định dự án thuộc nhiệm vụ 2 "Áp dụng điểm mô hình quản lý chất lượng tích hợp, công cụ cải tiến năng suất chất lượng tại 08 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh" của Đề án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.

- Triển khai xây dựng các thuyết minh chi tiết các nhiệm vụ còn lại của Đề án gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn công bố hợp chuẩn, hợp quy, công bố Tiêu chuẩn áp dụng; Hướng dẫn xây dựng TCCS và công bố áp dụng TCCS cho các Doanh nghiệp; Hướng dẫn đăng ký mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa cho các sản phẩm xây dựng thương hiệu của Tỉnh và các tổ chức doanh nghiệp trên địa bàn.

- Phối hợp với Viện Tiêu chuẩn Chất lượng hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và công bố áp dụng TCCS cho 02 doanh nghiệp vàng. Phối hợp với Trung tâm đào tạo TCĐLCL - Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hỗ trợ 05 doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và các công cụ nhằm nâng cao năng suất chất lượng của các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

b. Đánh giá kết quả, hiệu quả đạt được:

- Tình hình triển khai đề án nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa theo quyết định số 1480/2014/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 còn chậm chưa đúng theo tiến độ (do công tác thẩm định nhiệm vụ 1 của Đề án còn chậm nên chưa triển khai được các nhiệm vụ tiếp theo của dự án).

- Sự tiếp cận của Doanh nghiệp đối với lĩnh vực này còn chưa nhiều. Nhận thức của doanh nghiệp và cơ quan quản lý vĩ mô về vấn đề năng suất và chất lượng còn hạn chế.

- Mức độ hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng HTQLCL và công cụ năng suất chất lượng thấp;

3. Tình hình sử dụng kinh phí:

a. Tổng kinh phí thực hiện đề án:

Tổng kinh phí thực hiện đề án: **52.000** triệu đồng (*Năm mươi hai tỷ đồng*).

- Giai đoạn 1: **14.300** triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ và các doanh nghiệp tự cân đối: 10.500 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 3.800 triệu đồng).

- Giai đoạn 2: **37.700** triệu đồng (trong đó: Ngân sách Trung ương hỗ trợ và các doanh nghiệp tự cân đối: 29.000 triệu đồng; Ngân sách tỉnh: 9.700 triệu đồng).

b. Tình hình sử dụng kinh phí:

Nguồn kinh phí (2010-2015)	Kinh phí theo kế hoạch (triệu đồng)	Kinh phí được cấp (triệu đồng)	Kinh phí đã sử dụng (triệu đồng)
Nguồn vốn đầu tư từ NSNN Tỉnh	3.800	3.800	
Nguồn đối ứng DN và ngân sách trung ương hỗ trợ	10.500		
Nguồn khác			

III. ĐỊNH HƯỚNG CÁC HOẠT ĐỘNG NÂNG CAO NĂNG SUẤT CHẤT LƯỢNG CỦA TỈNH QUẢNG NINH GIAI ĐOẠN 2016-2020.

- 100% doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hoá chủ lực của Tỉnh xây dựng và thực hiện Đề án nâng cao năng suất và chất lượng;

- Xây dựng thành công 15 mô hình doanh nghiệp và dịch vụ điểm, ứng dụng công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến, tạo bước nhảy vọt về năng suất, chất lượng và trình độ quản lý, trở thành những mô hình kinh doanh hoàn hảo, là mô hình điểm để các doanh nghiệp khác trong tỉnh đến học hỏi;

- 70% doanh nghiệp của tỉnh được phổ biến và tuyên truyền các kiến thức về hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng;

- 600 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của tỉnh được hỗ trợ về kinh phí và tư vấn áp dụng các công cụ, hệ thống quản lý tiên tiến nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và trình độ quản lý;

- Số lượng doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ của tỉnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đổi mới công nghệ tăng lên 10% mỗi năm;

- 50% sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của tỉnh đạt tiêu chuẩn hoặc đạt trình độ chất lượng tương đương với sản phẩm, hàng hóa cùng loại của các nước trong các thị trường tương ứng...;

- 100 % doanh nghiệp sản xuất, cung cấp các mặt hàng chủ lực của tỉnh đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

- Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu cho cho 700 - 800 đối tượng sở hữu công nghiệp, trong đó tối thiểu có 50 sáng chế. Đến năm 2020 sẽ hỗ trợ và làm thủ tục đăng ký thương hiệu cho 40 sản phẩm mang thương hiệu địa phương;

- 100% doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 được công bố và chứng nhận hợp quy; 80% sản phẩm, hàng hoá chủ lực được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia (TCVN);

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn cơ sở cho 100 doanh nghiệp vừa và nhỏ;

- Mỗi năm có 05 doanh nghiệp được trao tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Chất lượng quốc tế Châu Á - Thái Bình;

- 100 % doanh nghiệp sử dụng năng lượng trọng điểm thực hiện kiểm toán năng lượng và áp dụng hệ thống quản lý tiết kiệm năng lượng theo Tiêu chuẩn ISO 50001:2011;

- Mở rộng lĩnh vực đánh giá của Tổ chức chứng nhận sự phù hợp hệ thống được công nhận sang lĩnh vực đánh giá là Hệ thống tiết kiệm năng lượng ISO 50001:2011;

- Tại mỗi Sở, Ban, ngành, huyện, thị xã và thành phố có ít nhất 2 cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng để trở thành chuyên gia về năng suất và chất lượng để làm nòng cốt trong phong trào năng suất, chất lượng.

- Nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong tỉnh thể hiện qua mức tăng chỉ số cạnh tranh của tỉnh theo đánh giá xếp hạng của VCCI hàng năm. (Phần đầu ở vị trí cạnh tranh thứ 5 trên bảng xếp hạng).

- Nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) trong tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của tỉnh lên 35% từ năm 2016.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

- Để có cơ sở xây dựng kế hoạch chi tiết cho việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án phải có sự phối kết hợp chặt chẽ của các ngành và địa phương, các doanh nghiệp; qua đó xác định được Danh mục hàng hóa chủ lực của Tỉnh trong giai đoạn 2015 - 2020 để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án Nâng cao năng suất chất lượng cho các Doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và kinh phí cho thực hiện nhiệm vụ của Đề án để triển khai thực hiện theo quyết định.

- Tiếp tục triển khai các Chương trình hỗ trợ các Doanh nghiệp xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến và các nội dung liên quan khác theo Quyết định 3799/2010/QĐ-UBND ngày 15/12/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành một số cơ chế tài chính khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

- Đề nghị Tổng cục tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các đơn vị trực thuộc Tổng cục tư vấn và tạo điều kiện giúp đỡ chuyên môn, nghiệp vụ về Năng suất chất lượng;

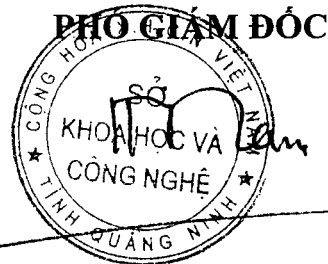
- Đề nghị các ngành và địa phương phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ để xác định Danh mục hàng hóa chủ lực của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020.

Nơi nhận:

- Bộ KH-CN (để b/cáo);
- UBND tỉnh (để b/cáo);
- Tổng cục TĐC (để tổng hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, Chi cục.



**KT/GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Thế Nam